

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GIỒNG TRÔM  
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 143/2022/HN-ST  
Ngày: 16-9-2022  
V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM – B**

**Với Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:**

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Đặng Thị Ngọc Duyên.
- Các Hội thẩm nhân dân:
  1. Ông Phạm Quốc Toàn
  2. Bà Võ Thị Thanh Thủy

- **Thư ký phiên Tòa:** bà Huỳnh Như Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh B.

Ngày 16/9/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 248/2022/TLST-HNGĐ ngày 20/6/2022 về việc: “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 229/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/8/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số: 155/2022/QĐST-HNGĐ ngày 31/8/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Phạm Thị Diễm H, sinh năm 1994; địa chỉ: số 202/61, ấp P, xã M, huyện M1, tỉnh B (vắng có đơn).

2. *Bị đơn:* anh Mai Trường G, sinh năm 1986; địa chỉ: số 676, ấp H, xã H1, huyện Giồng Trôm, tỉnh B (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 08/6/2022 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Phạm Thị Diễm H trình bày:*

Chị và anh G tự nguyện kết hôn vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (ghi tắt là UBND) xã P (M, B) vào ngày 17/5/2017. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2022, do bất đồng quan điểm, anh G không lo làm kinh tế, thường xuyên đi nhậu và đánh chị nên hai bên phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ ngày 19/3/2022 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, tuy anh G có yêu cầu hàn gắn nhưng chị không đồng ý, bởi anh G không có thiện chí và không thể sửa đổi tính tình. Hiện nay, do hai bên tính tình không hòa hợp, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục nên chị yêu cầu ly hôn với anh G. Con chung, tài sản chung, nợ chung không có.

*Trong quá trình tố tụng, bị đơn anh Mai Trường G vắng mặt không lý do và không có văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu của chị Phạm Thị Diễm H.*

*Tại phiên tòa:*

Chị Phạm Thị Diễm H vắng và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Anh Mai Trường G vắng mặt không lý do.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

*Về thủ tục:* tại phiên tòa, nguyên đơn vắng nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; riêng bị đơn mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, việc đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Về nội dung:*

[1] Về hôn nhân: do chị H và anh G kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại UBND xã P (M, B) vào ngày 17/5/2017 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Thời gian đầu, hai bên chung sống hạnh phúc. Nhưng đến năm 2022, do bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp nên hai bên phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ tháng 3/2022 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, cả hai vẫn không thể hàn gắn tình cảm, xoa dịu mâu thuẫn. Trong quá trình tố tụng, chị H xác định không còn tình cảm vợ chồng, hai bên không có khả năng hàn gắn và giữ nguyên yêu cầu ly hôn; anh G mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không tham dự các phiên hòa giải cũng như vắng mặt tại phiên tòa. Qua đó có cơ sở xác định tình trạng mâu thuẫn giữa hai bên đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài và không còn khả năng hàn gắn. Do đó, xét yêu cầu ly hôn của chị H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung: không có.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: chị H trình bày không có, không yêu cầu giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: chị H phải nộp số tiền là 300.000 đồng theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên*

## QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/- Chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị Diễm H được ly hôn với anh Mai Trường G.

2/- Con chung: không có.

3/- Tài sản chung, nợ chung: chị H trình bày không có, không yêu cầu giải quyết.

5/- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: buộc chị Phạm Thị Diễm H phải nộp số tiền là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008158 ngày 20/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm. Do đó, án phí sơ thẩm, chị H đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

### **Nơi nhận:**

- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- Chi cục THA huyện;
- UBND xã P,
- (M, B);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Thị Ngọc Duyên**

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Ngọc Duyên

